

CÔNG TY CỎ PHẢN BẮT ĐỘNG SẢN MỸ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của DỰ ÁN “PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI TẠI XÃ ĐÔNG MỸ,
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH”

CHỦ ĐẦU TƯ *A. Thanh*
CÔNG TY CỎ PHẢN BẮT ĐỘNG SẢN MỸ
CỎ PHẢN BẮT ĐỘNG SẢN
MỸ
THÀNH XUÂN - TP HÀ NỘI
CHỦ TỊCH HĐQT
Vũ Thùy Dương

Thái Bình, tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG.....	4
DANH MỤC SƠ ĐỒ	5
CHƯƠNG I:.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ:	6
2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ:	6
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ:	6
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	6
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	6
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:	7
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ:	7
4.1. Nhu cầu sử dụng nước:.....	7
4.2. Nhu cầu sử dụng điện:.....	7
4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất:	7
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ:	7
5.1. Các hạng mục công trình của dự án:	7
5.2. Danh mục máy móc, thiết bị của dự án:	9
5.3. Kết quả thực hiện dự án tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp GPMT:	12
CHƯƠNG 2.....	14
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	14
CHƯƠNG 3.....	15
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	15
1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI:	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	15
1.2. Thu gom, thoát NTSH:.....	15
1.3. Xử lý NTSH:.....	16
2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:	21
2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động chung tới môi trường không khí của KDC	21
2.2. Xử lý khí thải phát sinh từ trạm XLNT tập trung của dự án:	21
3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CTR THÔNG THƯỜNG:	23
4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CTNH:	24
4.1. Nguồn và khối lượng phát sinh	24
4.2. Công trình, biện pháp xử lý:	25
5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:	25

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH:	25
7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC:	28
8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THUY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THUY LỢI:	28
9. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:	28
CHƯƠNG IV:	29
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	29
A. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	29
B. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI	30
CHƯƠNG V:	32
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	32
1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN:	32
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	32
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị XLNT, khí thải:	32
2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT:	33
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:	33
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	34
CHƯƠNG VI:	35
CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN	35
PHỤ LỤC	36
PHỤ LỤC I	37
PHỤ LỤC II	38

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BVMT	Bảo vệ môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
CP	Cổ phần
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
KT-XH	Kinh tế - xã hội
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân
VSV	Vi sinh vật
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

TT	Danh mục bảng	Trang
1	<i>Bảng 1.1. Hóa chất xử lý nước thải của dự án</i>	7
2	<i>Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của dự án</i>	8
3	<i>Bảng 1.3: Máy móc, thiết bị của hệ thống cấp điện của dự án</i>	9
4	<i>Bảng 1.4: Máy móc, thiết bị của hệ thống XLNT của dự án</i>	10
5	<i>Bảng 3.1: Thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa của dự án</i>	15
6	<i>Bảng 3.2. Thông số kích thước các bể của trạm xử lý nước thải</i>	17
7	<i>Bảng 3.3: Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý khí thải</i>	22
8	<i>Bảng 3.4. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt ĐTM</i>	28
9	<i>Bảng 4.1: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của Dự án</i>	29
10	<i>Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải</i>	30
11	<i>Bảng 5.1: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm</i>	32

DANH MỤC SƠ ĐỒ

TT	Danh mục sơ đồ	Trang
1	<i>Hình 3.1. Mạng lưới thoát nước mưa của dự án</i>	15
2	<i>Hình 3.2: Sơ đồ thu gom, xử lý NTSH của Dự án</i>	16
3	<i>Hình 3.3: Công nghệ xử lý tại trạm XLNT tập trung của dự án</i>	18
4	<i>Hình 3.4. Quy trình công nghệ xử lý khí thải tại trạm XLNT của dự án</i>	22

Chương I:

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Chủ đầu tư: Công ty CP Bất động sản Mỹ.
- Địa chỉ liên hệ: Số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Bà Vũ Thùy Duyên - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Điện thoại: 0985 814 345; Fax: 04.8582061.

- Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh Thái Bình về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đồng thời công nhận chủ đầu tư thực hiện dự án.

2. Tên dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: Dự án phát triển nhà ở thương mại tại xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: thôn Tống Thỏ Nam, xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Sở Xây dựng Thái Bình.

- Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Phát triển nhà ở thương mại tại xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình”.

- Quy mô của dự án đầu tư:

+ Phạm vi:

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật KDC trên khu đất diện tích 71.285 m².

- Đầu tư nhà ở phần thô hoàn thiện kiến trúc mặt tiền 132 nhà ở liên kế và 90 nhà ở biệt thự (không bao gồm hạng mục nhà ở xã hội, trường mầm non, nhà văn hóa)

+ Quy mô: Tổng mức đầu tư của dự án: 284.376.000.000 đồng. Căn cứ theo khoản 5 điều 8 Luật Đầu tư công thì dự án có tổng mức đầu tư từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng thuộc dự án nhóm B.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KDC trên phần diện tích đất 71.285 m² và xây thô hoàn thiện kiến trúc mặt tiền 132 nhà ở liên kế và 90 nhà ở biệt thự.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Dự án thuộc loại hình xây dựng nhà ở nên không có công nghệ sản xuất.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm của dự án đầu tư bao gồm:

- Hạ tầng kỹ thuật KDC, bao gồm: đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, nước thải (bao gồm cả trạm XLNT tập trung), cây xanh.

- Đầu tư nhà ở: xây dựng nhà ở phân thô hoàn thiện kiến trúc mặt tiền 132 nhà ở liên kế và 90 nhà ở biệt thự.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

Khi KDC của dự án đi vào hoạt động có nhu cầu sử dụng, điện, nước và hóa chất phục vụ vận hành trạm XLNT tập trung, cụ thể như sau:

4.1. Nhu cầu sử dụng nước:

Căn cứ theo báo cáo ĐTM được phê duyệt, nhu cầu sử dụng nước trong ngày dùng nước lớn nhất của dự án sẽ là 269 m³/ngày.

Nguồn nước cấp: Hiện tại khu vực dự án đã có hệ thống cấp nước tập trung. Dọc tuyến đường Long Hưng đi qua khu vực dự án có tuyến cấp nước truyền dẫn D300, lấy nước từ nhà máy nước Hoàng Diệu. Nguồn nước này hoàn toàn đảm bảo cung cấp đủ cho nhu cầu dùng nước của toàn dự án khi đi vào hoạt động.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện:

Căn cứ theo báo cáo ĐTM được phê duyệt, nhu cầu sử dụng điện trong ngày dùng lớn nhất của dự án sẽ là 828 kW.

Nguồn cấp điện:

Điểm cấp điện trạm biến áp 1.000 kVA được cấu đầu tại vị trí cột số 87 nhánh TBA Lý Bộ 1 lộ 975 - E3.3 trạm 110kV Đông Hưng.

4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất:

Hóa chất được sử dụng cho Trạm XLNT trong giai đoạn vận hành của dự án:

Bảng 1.1. Hóa chất xử lý nước thải của dự án

TT	Tên hóa chất	ĐVT	Định mức/ 1 m ³ nước thải	Khối lượng sử dụng/ngày
1	Hóa chất khử trùng - Dung dịch Javen	lít	0,006	1,5

Ghi chú: Tính cho công suất của trạm XLNT 250 m³/ngày đêm.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

5.1. Các hạng mục công trình của dự án:

Các hạng mục công trình của dự án gồm có:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG*Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của dự án*

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô
A	Các hạng mục công trình chính		
I	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật		
01	San lấp mặt bằng		
	San lấp các khu vực: Khu đất công trình công cộng, khu dân cư quy hoạch, khu đất hạ tầng kỹ thuật	m ²	48.519,49
02	Xây dựng các tuyến đường giao thông nội bộ		
	- Đường số 1		Bề rộng 13m, lòng đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên mỗi bên rộng 3,0 m; (3-7-3) chiều dài 242,09m
	- Đường số 2		Bề rộng 21m, lòng đường rộng 5,5x2m, dải phân cách rộng 2m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 4m; (4-5,5-2-5,5-4) chiều dài 349,91m
	- Đường số 3		Bề rộng 13m, lòng đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên mỗi bên rộng 3,0 m; (3-7-3) chiều dài 243,29m
	- Đường số 4		Bề rộng 13m, lòng đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên mỗi bên rộng 3,0 m; (3-7-3) chiều dài 203,74m
	- Đường số 5		Bề rộng 18,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè 2 bên mỗi bên rộng 4,0 m; (4-10,5-4) chiều dài 201,10m
	- Đường số 6		Bề rộng 13m, lòng đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên mỗi bên rộng 3,0 m; (3-7-3) chiều dài 96,01m
	- Đường số 7		Bề rộng 13m, lòng đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên mỗi bên rộng 3,0 m; (3-7-3) chiều dài 205,79m
II	Xây dựng nhà ở		
01	Nhà ở liên kế	m ²	29.878,0 (Xây dựng phần thô, hoàn thiện kiến trúc mặt tiền)
02	Nhà ở sân vườn	m ²	12.346,0
			17.532,0
II	Các hạng mục công trình phụ trợ		
01	Hệ thống cấp nước		Bao gồm: mạng lưới đường ống cấp nước; hố ga cấp nước và hòng nước

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

			cứu hỏa.
02	Hệ thống cấp điện		Bao gồm: đường cáp ngầm trung thế 24kV, dài 230m; 01 trạm biến áp 1000kVA-10(22)/0,4kV; đường cáp ngầm 0,4kV cấp điện cho khu dân cư; đường cáp ngầm cho đèn cao áp và hệ thống đèn chiếu sáng đường phố.
03	Cây xanh	m ²	5.417,0
III Các hạng mục công trình BVMT			
01	Hệ thống thoát nước mưa		Bao gồm: rãnh thoát nước, các hố ga thăm, cống thoát nước ngang đường trên toàn bộ phần diện tích đất dự án.
02	Hệ thống thoát nước thải		Bao gồm: hệ thống đường ống thu gom nước thải, hố ga thu gom đầu nối của 222 nhà ở liên kế, nhà ở biệt thự về trạm XLNT.
03	Trạm xử lý nước thải tập trung		287,1 m ² bao gồm: trạm xử lý nước thải tập trung công suất 250 m ³ /ngàyđêm, cửa xả và đường ống thoát nước sau xử lý;

(Bản vẽ Tổng mặt bằng của dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định)

5.2. Danh mục máy móc, thiết bị của dự án:

Khi dự án đi vào vận hành chính thức thì sẽ vận hành hệ thống cấp điện và hệ thống XLNT tập trung bằng các máy móc, thiết bị sau:

Bảng 1.3: Máy móc, thiết bị của hệ thống cấp điện của dự án

TT	Danh mục thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Đường cáp ngầm trung thế	24 kV	m	230
2	Trạm biến áp	1000kVA-10(22)/0,4kV	Trạm	01
3	Đường cáp ngầm 0,4 kV cung cấp điện sinh hoạt cho khu dân cư	0,6/1kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC	m	2.453
4	Đường cáp ngầm 0,4 kV cung cấp điện cho hệ thống chiếu sáng đường phố, sân vườn	0,6/1kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC	m	2.798
5	Cột đèn chiếu sáng và trang trí	Cột thép côn liên đơn, đèn chùm CH04-4, cột đèn nhôm loại DC-05B	cái	63

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Bảng 1.4: Máy móc, thiết bị của hệ thống XLNT của dự án

STT	Tên thiết bị, vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Model/Hãng sản xuất	Xuất xứ
A BỂ THU GOM NƯỚC THẢI						
1	Song chắn rác thô	Vật liệu: Inox 304; Kích thước khe hở: 10mm; Kích thước LxH: 700x1730mm	Bộ	1	Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam
2	Bơm nước thải đặt chìm	Lưu lượng Q = 15 m ³ /h; H = 6 m; Công suất P=0,75 KW; Nắp và guồng cánh bơm bằng gang đúc, thân giữa bằng inox 304	Bộ	2	Model: TOS-B-312; Grampus	Đài Loan
B BỂ LẮNG CÁT+TÁCH MỠ						
1	Thiết bị tách rác tinh	WxLxH:580x950x1500m; Diện tích song lọc:900x500 mm; Vật liệu: Inox 304; Khe hở: 2 mm; Ống Nạp DN80, Xả DN125	Bộ	1	Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam
C BỂ ĐIỀU HÒA						
1	Bơm nước thải đặt chìm	Lưu lượng = 12,5 m ³ /h; H = 7,5 m; Công suất P=0,75 Kw; Nắp và guồng cánh bơm bằng gang đúc, thân giữa bằng inox 304	Bộ	2	Model: TOS-B-312; Grampus	Đài Loan
2	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải	Loại cơ; Vật liệu: Thân gang nối bích; Đường kính: DN80	Cái	1	Zenner	Trung Quốc
3	Hệ thống phân phối khí thô	Đĩa phân phối khí kiểu: bọt thô; Lưu lượng hoạt động: 1 - 25 m ³ /h; Đường kính tổng: 101,6 mm	Đĩa	8	Model: CBD 105 Jager	Đức
D BỂ THIẾU KHÍ						
1	Máy khuấy trộn chìm	Công suất: 0,4 KW/1HP; Điện áp: 3/380V/50HZ; Lưu lượng: 1,8 m ³ /phút	Bộ	2	Model: RM-3052; GRAMPUS	Đài Loan
E BỂ HIẾU KHÍ						
1	Hệ thống phân phối khí tinh	Đường kính đĩa: 268 mm; Phạm vi hoạt động: 218 mm; Lưu lượng Q = 2-6 m ³ /h; Lưu lượng Qmax= 10 m ³ /h; Màng bơm: EDPM F053A; Đĩa bệ: Nhựa PP gia cường sợi thủy tinh	Cái	32	Jager HD 270	Đức

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

2	Bơm nước thải tuần hoàn	Bơm chìm; Lưu lượng Q = 12,5 m ³ /h; H = 7,5 m; Công suất P= 0,75 Kw	Bộ	2	Model: TOS-B-312; Grampus	Đài Loan
3	Giá thể vi sinh MBBR	Màu sắc: Trắng; Kích thước DxH: 25x10mm; Trọng lượng riêng: 95 kg/m ³ ; Diện tích tiếp xúc: 500m ² /m ³ ; Vật liệu chế tạo: HDPE	m ³	10	Trường Sơn	Việt Nam
F BỂ LẮNG SINH HỌC						
1	Ống phân phối trung tâm inox SUS304	Kích thước: DxH = 800x2000 mm, dày 2mm	Bộ	1	Thái An	Việt Nam
2	Bơm bùn tuần hoàn	Bơm chìm; Lưu lượng Q= 5 m ³ /h; H = 7,5m; Công suất P=0,4 Kw	Bộ	2	Model: TOS-B-3052; Grampus	Đài Loan
G BỂ KHỬ TRÙNG						
1	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra	Đồng hồ loại cơ; Vật liệu: Thân gang nối bích; Đường kính: DN125	Cái	1	Zenner	Trung Quốc
H THÁP KHỬ MÙI						
1	Tháp khử mùi	Kích thước: D1,5xH3,0 (m) Vật liệu: thép CT3, mặt trong bọc composite, mặt ngoài sơn phủ epoxy.	Hệ	1	Thái An	Việt Nam
2	Quạt hút mùi ly tâm	Công suất: 0,37kw, tốc độ quay: 1.450v/p; Điện áp: 380v; Lưu lượng khí: Q=600-800m ³ /h; Áp suất H=600-400pa;	Bộ	1	Model: CPL-2-2.2D	Việt Nam
H NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ						
1	Máy thổi khí bể hiếu khí	Lưu lượng = 3,48 m ³ /phút; Cột áp: 5mH20; Động cơ: 5,5 kW Teco; Tốc độ đầu máy: 1200 vòng/phút Điện áp: 380V/3 pha/50Hz	Bộ	2	Model: LT-65 LongTech	Đài Loan
2	Máy thổi khí bể điều hòa	Lưu lượng = 1,34 m ³ /phút; Cột áp: 5mH20; Động cơ: 5,5 kW Teco; Tốc độ đầu máy: 1200 vòng/phút Điện áp: 380V/3 pha/50Hz	Bộ	1	Model: LT-50; LongTech	Đài Loan
I NHÀ PHA HÓA CHẤT						

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1	Bơm định lượng hóa chất Javen	Lưu lượng: Qmax =155 lít/h; Áp suất: Hmax = 10 bar; Công suất: 0.25 Kw; Điện áp: 3 pha/380V/50Hz	cái	1	Model: M155 PPSV OBL	ITALIA
2	Bồn pha chế hóa chất Javen	Bồn loại đứng Thể tích: V = 500l Vật liệu: PVC	Bộ	1	Tân Á Đại Thành	Việt Nam
3	Động cơ khuấy bồn hóa chất Javen	Công suất: 0.4kw/3pha/380V/50Hz Tốc độ: 70-80 v/p	Bộ	1	PF28-0400-20S3 Tunglee	Đài Loan
4	Hệ thống giá đỡ bơm định lượng, máy khuấy	Vật liệu Inox 304 Chế tạo theo bản vẽ thiết kế	Hệ	1	Thái An	Việt Nam

5.3. Kết quả thực hiện dự án tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp GPMT:

5.3.1. Quy mô diện tích và quy mô xây dựng của dự án

** Quy mô diện tích, quy mô dân số dự án:*

Đến thời điểm hiện tại, dự án đã thực hiện xây dựng hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật trên phần diện tích 71.285,0 m² và thực hiện khai thác quỹ đất nhà ở, bán cho người dân có nhu cầu, số lượng nhà ở đã bán ra đến thời điểm hiện tại là 20% tổng số nhà ở đầu tư của dự án.

** Quy mô xây dựng của dự án:*

Dự án xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm san nền, thi công đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, trạm XLNT tập trung và trồng cây xanh; xây dựng công trình nhà ở liên kế và nhà ở biệt thự: xây dựng phần thô và hoàn thiện phần mặt ngoài. Còn các hạng mục công trình như nhà văn hóa, trường mầm non, khu nhà ở xã hội không thuộc phạm vi xây dựng và quản lý của dự án.

5.3.2. Thủ tục hành chính về môi trường đã thực hiện:

“Dự án phát triển nhà ở thương mại tại xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình” đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 19/8/2020.

Đồng thời dự án cũng đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 04/GP-UBND ngày 26/01/2022.

5.3.3. Công tác bảo vệ môi trường đã thực hiện:

Đã thực hiện xây dựng hoàn thiện công trình BVMT của dự án là công trình thu gom, xử lý nước thải, cụ thể:

- Đối với nước mưa: Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa với hệ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

thống thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mưa bao gồm mương thoát nước, hố ga và các cống ngang đường. Mương thoát nước đập tấm đan BTCT, xây dựng dọc theo các tuyến đường, bố trí đi trên vỉa hè, kích thước BxH=400x600, dài 690m, kích thước BxH=600x800, dài 2.105,5m. Hố ga lắng cặn đất cát số lượng 75 hố; tuyến cống ngang đường kích thước BxH=400x600, dài 23,5 m; cống ngang đường kích thước BxH=600x800, dài 339 m.

- Đối với NTSH: Hệ thống thu gom nước thải bao gồm đường ống uPVC kích thước D250 dài 154 m, D200 dài 1.651,5 m, D160 dài 1.110 m để thu gom nước thải phát sinh từ các hộ dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày đêm. Nước thải sau khi qua trạm xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của thành phố tại 01 cửa xả.

Chương 2

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phát triển của khu vực và đánh giá khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là không thay đổi so với nội dung đánh giá trong ĐTM đã được phê duyệt.

Chương 3

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa được thu gom bằng các hố ga với các cửa thu nước được bố trí dọc theo các tuyến đường với khoảng cách trung bình từ 30m/1hố. Nước mưa được thu gom thông qua hệ thống mương thoát nước đáy tấm đan BTCT, xây dựng dọc theo các tuyến đường, bố trí đi trên vỉa hè, kích thước BxH=400x600 và 600x800.

Hệ thống mương thoát sẽ được chảy ra hệ thống thoát nước hiện có trên đường Võ Nguyên Giáp và hệ thống thoát nước hiện có trên đường giáp với khu tái định cư xã Đông Mỹ sau đó chảy qua cống ngang đường rồi chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Sa Lung.

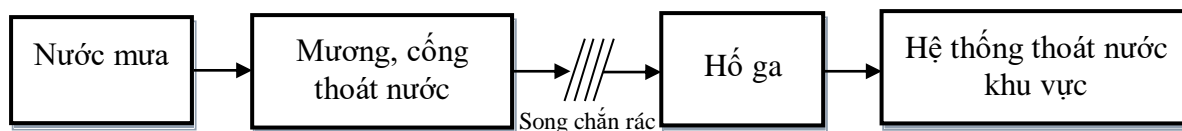
Bảng 3.1: Bảng thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa của dự án

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
01	Mương xây gạch đáy nắp đan BTCT, BxH=400x600	m	690
02	Mương xây gạch đáy nắp đan BTCT, BxH=600x800	m	2.105,5
03	Ga thăm BxLxH=800x800xH	Ga	75
04	Cống ngang đường 400x600	m	23,5
05	Cống ngang đường 600x800	m	339

- Số cửa xả nước mưa: 02 điểm (01 điểm xả nằm trên đường Võ Nguyên Giáp về phía Đông của dự án; 01 cửa xả nằm trên đường giáp với khu tái định cư xã Đông Mỹ về phía Tây của dự án).

- Phương thức xả: Tự chảy.

- Sơ đồ thoát nước mưa của dự án:



Hình 3.1. Mạng lưới thoát nước mưa của dự án

1.2. Thu gom, thoát NTSH:

1.2.1. Công trình thu gom NTSH của dự án:

NTSH của dự án phát sinh từ khu vực các hộ dân, được xử lý sơ bộ tại từng bể tự hoại sau đó dẫn vào các hố ga đầu nối (222 hố ga từ 222 hộ dân) vào mạng lưới thu

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

gom nước thải. Hệ thống thu gom NTSH của dự án là hệ thống đường ống uPVC kích thước D250 dài 154 m, D200 dài 1.651,5 m, D160 dài 1.110 m, ống lồng thép D250, dài 91,5 m để thu gom nước thải phát sinh từ các hộ dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung. Trên hệ thống đường ống bố trí 60 hố ga thăm kích thước 600x600.

1.2.2. Công trình thoát NTSH:

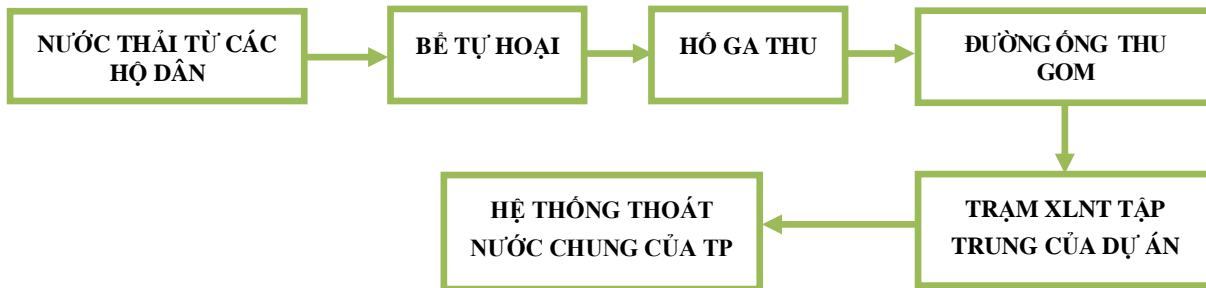
- Đường ống uPVC D315, 0,4%, L = 8,5 m.
- Phương thức xả: Tự chảy.

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý:

- NTSH sau xử lý của dự án tự chảy ra hệ thống thoát nước chung của thành phố.

- Vị trí điểm xả nước thải: Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2266085 (m); Y = 589741 (m) (Căn cứ theo Giấy phép xả thải số 04/GP-UBND ngày 26/01/2022).

1.2.4. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát NTSH của dự án:



Hình 3.2: Sơ đồ thu gom, xử lý NTSH của Dự án

1.3. Xử lý NTSH:

1.3.1. Khối lượng NTSH phát sinh:

Căn cứ báo cáo ĐTM được phê duyệt của dự án, tổng lưu lượng nước thải của dự án trong ngày thải nước lớn nhất là 244,53 m³/ngày đêm (làm tròn **245 m³/ngày đêm**).

Thành phần NTSH bao gồm: COD, BOD₅, NH₃, N-hữu cơ, N-NO₃, N-NO₂, Phốt pho, SS (cặn lơ lửng), DS (cặn hòa tan), chất béo, vi khuẩn gây bệnh.

1.3.2. Các công trình xử lý đã được xây dựng:

Hạng mục công trình đã được xây dựng để xử lý NTSH của dự án là hệ thống XLNT tập trung xử lý theo công nghệ xử lý nước thải AO kết hợp MBBR.

a. Đơn vị thiết kế và xây dựng hệ thống: Công ty CP Xây dựng địa ốc 501.9

- Địa chỉ: Tầng 24, tòa nhà TNR, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Số ĐT: 02473073099 (7277).
- Công suất thiết kế hệ thống: 250 m³/ngày đêm.
- Diện tích khu đất xây dựng hệ thống: 287,1 m².

b. Các hạng mục công trình của trạm xử lý nước thải:

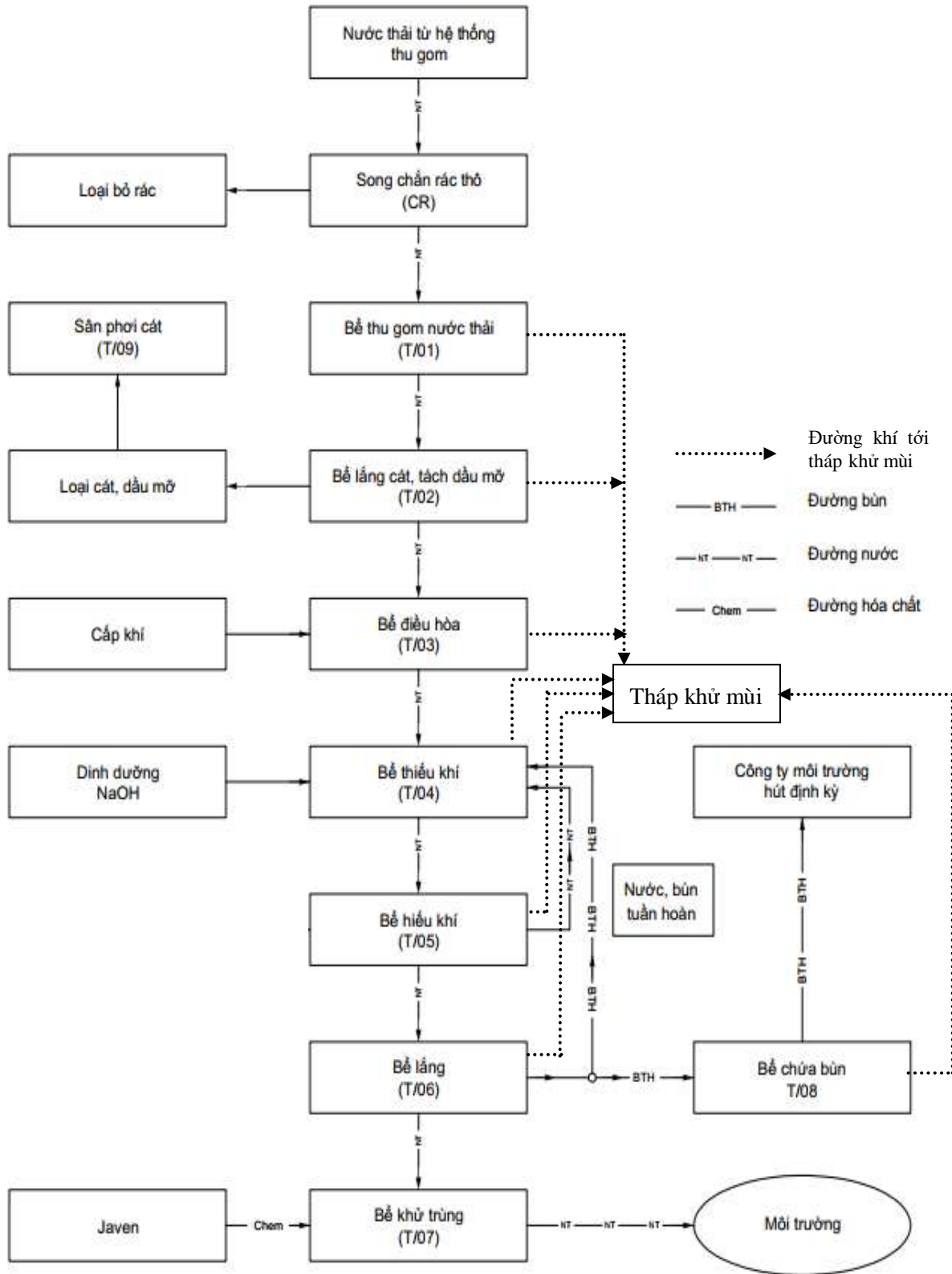
Bảng 3.2. Thông số kích thước các bể của trạm xử lý nước thải

TT	Tên bể	Ký hiệu	Kích thước lòng bể (DxRxC (m))
1	Bể thu nước thải đầu vào	T/01	2,8x1,8x4,5
2	Bể lắng cát, tách dầu mỡ	T/02	4,16x0,8x4,5
3	Bể điều hòa	T/03	6,2x4,16x4,5
4	Bể thiếu khí	T/04	7,2x3,8x4,5
5	Bể hiếu khí	T/05	7,2x4,52x4,5
6	Bể lắng sinh học	T/06	3,96x3,96x4,5
7	Bể khử trùng	T/07	2,98x1,2x4,5
8	Bể chứa bùn	T/08	2,54x2,98x4,5
9	Sân phơi cát	T/09	2,3x1,5x1,0
10	Tháp khử mùi	TKM	D = 1,5m; H = 3,0m; Chiều cao ống xả khí thải: H = 4,85m
11	Nhà phụ trợ		Kích thước DxRxC = 19,92 x 4,72 x 4,3 (m) S = 551,5 m ² , 1 tầng.

c. Quy mô công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của trạm XLNT:

c.1. Quy mô công suất, công nghệ:

- Công suất thiết kế trạm XLNT của dự án: 250 m³/ngày đêm.
- Công nghệ XLNT: Sinh học.
- Tiêu chuẩn xử lý: Đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung của thành phố.
- Quy trình công nghệ XLNT như sau:



Hình 3.3: Công nghệ xử lý tại trạm XLNT tập trung của dự án

Thuyết minh quy trình công nghệ:

NTSH sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ dân theo hệ thống thu gom nước thải qua song chắn rác thô (CR) chảy vào bể gom tổng của trạm (T/01). Bể gom tổng làm nhiệm vụ trung chuyển nước thải, từ đây nước thải được bơm sang bể lắng cát,

tách dầu mỡ (T/02). NTSH của dự án chứa nhiều dầu mỡ, đất cát. Dầu mỡ là chất hữu cơ khó phân hủy, còn đất cát là những chất vô cơ trở về mặt sinh học, cả hai làm giảm khả năng hoạt động của các bể xử lý sinh học. Vì bắt buộc phải tách cát, dầu mỡ ra khỏi hệ thống để đảm bảo khả năng vận hành ổn định của hệ thống xử lý sinh học phía sau. Sau đó nước thải được chảy tràn sang bể điều hòa (T/03). Bể này đóng vai trò trung chuyển cuối cùng trước khi vào hệ xử lý chính, đồng thời giúp điều hòa nước thải về lưu lượng cũng như chất lượng, tránh tình trạng tăng tải cục bộ vào các thời điểm khác nhau. Nước thải tiếp tục được bơm sang bể thiếu khí (T/04). Bể thiếu khí là nơi diễn ra quá trình anoxic hay còn gọi là quá trình denitrat giúp khử nitơ tổng. Tại đây NO_3^- được chuyển hóa thành N_2 khi không có mặt Oxy hoặc có với mật độ thấp bởi các vi sinh vật thiếu khí. Đây là quá trình bắt buộc nhằm giảm được Nitơ trong Nước thải. Bể được lắp đặt máy khuấy chìm để khuấy trộn hoàn toàn dòng nước thải vào bể thiếu khí và đảm bảo khả năng tiếp xúc của vi sinh vật với các chất trong nước. Nước tuần hoàn và bùn hoạt tính sẽ được bơm về bể thiếu khí để hỗ trợ tăng cường cho bể thiếu khí để xử lý nitơ và bổ sung lượng vi sinh cần thiết. Nước thải tiếp tục được đưa sang bể hiếu khí (T/05). Bể hiếu khí sử dụng chủng vi sinh vật hiếu khí để phân hủy chất thải. Trong bể này, vi sinh vật (còn gọi là bùn hoạt tính) tồn tại ở dạng lơ lửng sẽ hấp thụ oxy và chất hữu cơ (chất ô nhiễm) và sử dụng chất dinh dưỡng là Nitơ & Photpho để tổng hợp tế bào mới, CO_2 , H_2O và giải phóng năng lượng. Trong bể hiếu khí được bố trí thêm các giá thể vi sinh MBBR tạo môi trường bám dính của vi sinh vật, tăng hiệu quả của quá trình xử lý. Nước thải từ bể hiếu khí tự chảy sang bể lắng bùn sinh học (T/06) dưới dạng hỗn hợp nước bùn. Tại bể lắng, phần bùn hoạt tính được thu hồi ở đáy, một phần bùn hoạt tính này được bơm tuần hoàn về bể anoxic duy trì mật độ vi sinh trong các công trình xử lý sinh học. Dòng tuần hoàn này thường đạt 40 - 100% lưu lượng trung bình của hệ thống. Phần bùn dư được bơm về bể chứa bùn, định kỳ được xử lý. Nước trong sẽ chảy qua máng tràn về bể khử trùng. Nước sau xử lý còn lại một dư lượng lớn vi sinh vật vì vậy để nước thải sau xử lý đảm bảo an toàn, không phát tán vi sinh gây bệnh, sử dụng chất khử trùng Javel để khử trùng nước thải. Bùn dư từ các bể lắng được bơm về bể chứa bùn, tại đây diễn ra quá trình giảm thể tích bùn, một phần nước dư được đưa về bể điều hòa. Tại đây, bùn sẽ bị phân hủy yếm khí. Phần nước dư tuần hoàn lại bể điều hòa, phần bùn dư định kỳ hút đi xử lý theo quy trình xử lý như CTR thông thường. Toàn bộ phần khí thải từ các bể: T/01, T/02, T/03, T/04, T/05, T/06, T/08 được quạt hút đưa về tháp khử mùi (TKM) để xử lý toàn bộ mùi hôi của hệ thống.

c.2. Quy trình, chế độ vận hành công trình:

Bước 1: Kiểm tra điện và thiết bị

Trước khi đưa hệ thống vào vận hành chạy phải kiểm tra điện, động cơ, đồng hồ đo dòng dây đai máy khí, các điểm nối điện giữa nguồn và các thiết bị lắp đặt trên toàn hệ thống. Khi có kết luận an toàn về điện mới được thực hiện các thao tác vận hành tiếp theo.

Bước 2: Vận hành

Chế độ vận hành của trạm xử lý bao gồm 2 chế độ:

Chế độ vận hành bằng tay: Vận hành bằng các nút nhấn (hoặc công tắc) trên tủ điều khiển.

Chế độ vận hành tự động: Vận hành tự động với các thiết bị được tự động hóa bằng cách cài đặt chế độ hoạt động của thiết bị trong tủ điện điều khiển.

Bước 3: Thao tác chính trên tủ điều khiển

Trên mặt tủ điều khiển có các nút ấn, công tắc dùng để vận hành tủ điều khiển, chức năng của một số nút như sau:

- Nút công tắc Auto/Man điều khiển chính:
- + Công tắc ở vị trí AUTO thì chế độ điều khiển của hệ thống được chuyển sang chế độ vận hành tự động.
- + Công tắc ở vị trí MAN thì chế độ điều khiển của hệ thống được chuyển sang chế độ vận hành bằng tay trên tủ điều khiển.
- Để thực hiện ổn định lưu lượng đầu vào thao tác van hồi lưu tại bể điều hòa. Van mở, lưu lượng nước giảm và ngược lại van đóng lưu lượng nước tăng.

Trong trường hợp khẩn cấp ta có thể tăng lưu lượng nước thải lên các bể sinh học (nhưng không được vượt quá 25% lưu lượng đang cấp lên bể). Sau thời gian sự cố (không quá 24 giờ) phải khẩn trương đưa về lưu lượng ban đầu.

- Việc cấp khí ra bể điều hòa và bể xử lý sinh học hiếu khí được thực hiện bởi hệ thống máy thổi khí đặt trong nhà điều hành. Để điều chỉnh lưu lượng khí cấp vào các bể này, ta thao tác tại các van lắp đặt trên đường ống dẫn khí tới bể xử lý. Van mở lưu lượng khí tăng và ngược lại van đóng lưu lượng khí giảm.

- Đối với bơm hóa chất khử trùng, căn cứ vào nồng độ pha và lưu lượng nước thải đầu vào người vận hành điều chỉnh công tắc lưu lượng để bơm thực hiện công việc với một lưu lượng hợp lý.

- Để điều chỉnh lưu lượng bơm định lượng hóa chất, người vận hành thực hiện thao tác với công tắc điều chỉnh lưu lượng trên đồng hồ đo lưu lượng của bơm.

Lưu ý: Chỉ được điều chỉnh bơm đến lưu lượng max trong trường hợp khẩn cấp. Trong các trường hợp khác phải để bơm ở chế độ lưu lượng nhỏ hơn lưu lượng max.

- Khi thực hiện thao tác bơm bùn từ bể lắng về các bể sinh học và về bể chứa bùn người vận hành thực hiện thao tác các van tại mỗi ngăn của bể. Sau khi ổn định lưu lượng thì chuyển bơm bùn về chế độ tự động hoặc tắt bơm bùn.

- Các rơ le thời gian lắp đặt trong tủ điện điều khiển, điều khiển hoạt động luân phiên của thiết bị. Rơ le thời gian sẽ được cài đặt một lần. Trong trường hợp thay thế hoặc sửa chữa bảo dưỡng sẽ thực hiện cài đặt lại rơ le này.

- Trong quá trình xử lý nước thải, phần bùn sinh ra từ các bể lắng. Phần bùn này, một phần được tuần hoàn trở lại bổ sung bùn cho bể sinh học, phần bùn dư được

bơm về bể chứa bùn. Phần bùn này định kỳ được chủ dự án thuê đơn vị có đủ chức năng hút thải bỏ.

Hóa chất sử dụng:

Hoá chất XLNT sử dụng cho Trạm XLNT trong giai đoạn vận hành của dự án là dung dịch Javen với lượng sử dụng khoảng 1,5 lít/ngày.

Định mức tiêu hao điện năng:

Định mức tiêu hao điện năng của các máy móc, thiết bị XLNT của dự án khoảng 100 KVA/ngày.

1.3.3. Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý của dự án:

Tiêu chuẩn chất lượng nước thải của dự án khi thải vào hệ thống thoát nước chung của thành phố phải có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm không vượt quá tiêu chuẩn Cột A giá trị C_{max} theo QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số $K = 1$.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động chung tới môi trường không khí của KDC

Do đặc thù của KDC là không có nguồn phát thải gây ô nhiễm như ống khói công nghiệp và các tác động tới môi trường khí giai đoạn này không đáng kể. Vì vậy, biện pháp giảm thiểu được áp dụng tại dự án phù hợp nhất là duy trì môi trường xanh - sạch - đẹp cho KDC.

Chủ đầu tư đã áp dụng biện pháp trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên để hạn chế ô nhiễm không khí. Biện pháp trồng cây xanh không những làm đẹp cảnh quan cho KDC mà còn có tác dụng chống ồn, chống bụi, điều hoà không khí.

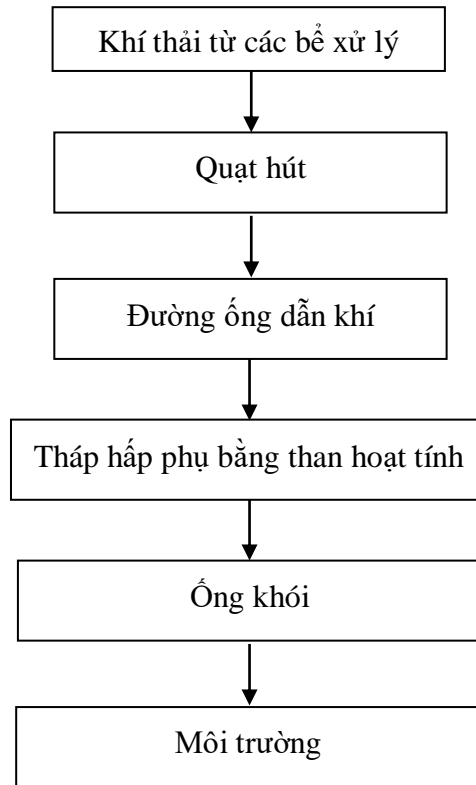
Cây xanh của dự án được trồng trên phần diện tích 1.965,7 m². Cây xanh được trồng trong khuôn viên, xung quanh các công trình và dọc theo các tuyến đường giao thông. Cây xanh trồng trên vỉa hè các tuyến đường là cây bóng mát (cây sấu, cây bàng lẵng ...), tán rộng và ít rụng lá, chiều cao từ 3-5m.

Hiện tại, toàn bộ mặt bằng sân, đường của dự án đã được bê tông hóa, vì vậy bụi và khí thải phát sinh trong quá trình lưu thông của các phương tiện giao thông không đáng kể.

2.2. Xử lý khí thải phát sinh từ trạm XLNT tập trung của dự án:

Hệ thống XLNT của dự án có thiết kế phương án xử lý khí thải bằng biện pháp sử dụng thiết bị xử lý bằng phương pháp hấp phụ với vật liệu hấp phụ là than hoạt tính, theo quy trình công nghệ sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



Hình 3.4. Quy trình công nghệ xử lý khí thải tại trạm XLNT của dự án

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Toàn bộ hệ thống XLNT đều có nắp đan đậy kín bề mặt và có hệ thống quạt hút khí theo đường ống dẫn đưa vào tháp xử lý khí thải (tháp hấp phụ bằng than hoạt tính). Khí gây mùi (chủ yếu là H_2S , NH_3 , CH_4 ...) được thu gom cưỡng bức theo hệ thống ống thu gom đi vào thiết bị xử lý.

Để đảm bảo xử lý triệt để mùi hôi phát sinh từ hệ thống XLNT, sử dụng quạt hút chuyên dùng và hệ đường ống thu khí thải đưa qua thiết bị xử lý chứa vật liệu hấp phụ để xử lý. Khí thải sau khi xử lý bằng phương pháp hấp phụ (sử dụng than hoạt tính làm vật liệu chủ đạo) đạt tiêu chuẩn cho phép, được thải ra môi trường không khí xung quanh.

Bảng 3.3: Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý khí thải

TT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút	01	Công suất: 0,37kw, tốc độ quay: 1.450v/p; Điện áp: 380v; Lưu lượng khí: $Q=600-800m^3/h$; Áp suất $H=600-400pa$;
2	Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính	01	Vật liệu: thép CT3, dày 3mm, trong phru composite chống ăn mòn, ngoài phủ màu ghi sáng, sơn chống gỉ; Kích thước: $D \times H = (1,5 \times 3,0)$ (m), bên trong chứa khay than hoạt tính dày 0,5 m.
3	Ống khói	01	Vật liệu: thép D16, sơn 2 lớp chống gỉ; Kích thước: $D \times H = (0,25 \times 4,85)$ (m).

Sau khoảng thời gian hoạt động nhất định, vật liệu hấp phụ than hoạt tính đã bão hòa, không thể hấp thụ thêm được nữa thì sẽ thay lớp vật liệu lọc này để quá trình xử lý mùi, xử lý khí thải được hiệu quả (định kỳ khoảng 01 năm/lần). Lớp lọc này không phải là CTNH nên sẽ được thu gom, xử lý cùng với CTR sinh hoạt của dự án.

Theo tính toán của đơn vị thiết kế hệ thống, lưu lượng khí thải của hệ thống xử lý mùi là thấp ($600-800 \text{ m}^3/\text{h} < 50.000 \text{ m}^3/\text{h}$) nên dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

Đánh giá hiệu quả của biện pháp xử lý:

Phương pháp xử lý khí thải bằng vật liệu hấp phụ than hoạt tính là biện pháp hiện đang được áp dụng rất phổ biến và rộng rãi vì hiệu quả xử lý của than hoạt tính có thể lên đến 99% trong giai đoạn đầu và việc thay thế lớp vật liệu này sau một thời gian sử dụng cũng rất dễ dàng. Với 1g than hoạt tính có khả năng hấp thụ được 380 cm^3 khí SO_2 , 235 cm^3 khí Cl_2 , 181 cm^3 khí NH_3 , 99 cm^3 khí H_2S , 47 cm^3 khí CO_2 , 16 cm^3 khí CH_4 , 8 cm^3 khí O_2 ... do vậy phương pháp hấp phụ khí thải bằng than hoạt tính có khả năng xử lý được các loại khí thải dễ bay hơi như SO_2 , CO , NO_x ... với lưu lượng khí lớn.

Khí thải phát sinh từ hệ thống XLNT của dự án phát sinh với lượng không lớn, nên việc áp dụng biện pháp xử lý hấp phụ bằng than hoạt tính hoàn toàn đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng khí thải phát sinh đảm bảo các quy định hiện hành.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTR thông thường:

3.1.1. Nguồn và khối lượng phát sinh các loại CTR thông thường của dự án:

CTR thông thường phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án bao gồm các loại sau:

a. CTR sinh hoạt:

Căn cứ theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt của dự án, khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh lớn nhất của dự án là $1.348 \text{ kg/ngày} = 492 \text{ tấn/năm}$. Thành phần chất thải bao gồm: giấy, túi nilon, phần thừa của các loại thực phẩm, thức ăn thừa, đất cát ... Lượng CTR sinh hoạt của dự án phát sinh với khối lượng lớn trong một ngày nếu không được thu gom, xử lý triệt để sẽ gây tình trạng tồn đọng rác thải lâu ngày trong KDC, khi đó rác thải sinh hoạt sẽ xảy ra tình trạng phân hủy, gây mùi hôi thối, khó chịu, gây tác động đến môi trường không khí xung quanh, lâu ngày sẽ tác động đến nguồn nước mặt, nước dưới đất, đất trong khu vực. Từ đó sẽ tác động trực tiếp tới sức khỏe của người dân và gây mất cảnh quan, môi trường trong khu vực dân cư.

b. Cặn lắng từ hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải:

Bao gồm bùn đất từ các hố gas của hệ thống thoát nước thải, nước mưa. Khối lượng phát sinh từ nguồn này khó xác định, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết, mức độ vệ sinh công cộng của khu vực.

c. Lượng cát, bùn dư từ trạm xử lý nước thải tập trung:

Căn cứ theo báo cáo ĐTM được phê duyệt, lượng bùn dư từ trạm XLNT phát sinh khoảng 1,7 kg/ngày và lượng đất cát có trong nước thải được lắng tại bể tách dầu mỡ phát sinh khoảng 0,03 m³/ngày.

3.1.2. Biện pháp lưu giữ, xử lý CTR sinh hoạt

a. Đối với CTR sinh hoạt

Để thuận tiện trong thu gom, vận chuyển và xử lý phù hợp với các quy định hiện hành và quy định của địa phương, tại khu vực sẽ không bố trí khu tập kết tạm thời CTR sinh hoạt mà sẽ thực hiện thu gom đối với từng khu vực phát sinh rác thải như sau:

- Đối với khu vực xây dựng nhà ở liên kế và biệt thự: CTR sinh hoạt được các hộ gia đình tự thu gom vào các thùng chứa hoặc đựng trong bao bì chứa; vào cuối mỗi ngày theo giờ cố định sẽ trực tiếp đổ rác vào xe thu gom rác của tổ vệ sinh môi trường khu vực và vận chuyển đến khu trung chuyển hiện có (tại thôn Tống Thỏ Bắc) sau đó đưa về Nhà máy xử lý rác thải của thành phố để xử lý. Các hộ dân sẽ nộp tiền phí thu gom rác hàng tháng. Tổ dân phố khu dân cư tăng cường nhắc nhở, tuyên truyền nâng cao ý thức cho người dân giữ gìn về sinh chung, đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực.

- Đối với khu vực xây dựng nhà ở xã hội, khu trường mầm non, nhà văn hóa: sẽ bố trí hệ thống thu gom rác riêng cho từng khu vực. Đơn vị thực hiện các dự án xây dựng các khu vực này sẽ phải hợp đồng thu gom, xử lý rác thải với đội vệ sinh của khu vực để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng các quy định hiện hành.

- Đối với các công trình công cộng, khu vực cây xanh, đặt các thùng rác dung tích 120 lít, có nắp đậy; bố trí dọc theo các đường dạo với khoảng cách 100m/1 điểm. Mỗi điểm đặt 02 thùng chứa rác có màu khác nhau để phân loại rác tại chỗ. Sau đó hàng ngày đội vệ sinh môi trường của xã sẽ tiến hành thu gom, vận chuyển để xử lý.

b. Bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống thoát nước, trạm xử lý nước thải:

- Bùn thải bể tự hoại tại các công trình nhà ở của dân, các khu công cộng, thương mại, dịch vụ sẽ tùy thuộc vào mức độ sử dụng mà các chủ hộ, chủ quản lý các khu vực sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút bùn bể phốt đi xử lý khi có nhu cầu.

- Bùn phát sinh từ trạm xử lý, hệ thống cống rãnh... trong khu vực dự án, định kỳ 01 năm/lần được đơn vị vận hành trạm xử lý thuê đơn vị có chức năng đến hút, thu gom và vận chuyển xử lý theo quy định. Lượng đất cát phát sinh từ bể tách cát, dầu mỡ được định kỳ 1 tuần/lần nạo vét, phơi tại sân phơi cát sau đó được thu gom, xử lý cùng với CTR sinh hoạt của dự án.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH:

4.1. Nguồn và khối lượng phát sinh

Căn cứ theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt của dự án, khối lượng phát sinh tính trung bình trên 01 hộ gia đình khoảng 0,5 - 1 kg/năm. Dự án có 222 hộ dân nên khối lượng CTNH phát sinh lớn nhất là 222 kg/năm.

4.2. Công trình, biện pháp xử lý:

- Đối với các hộ gia đình: thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn trong đó bao gồm việc phân loại CTNH (thuộc loại CTR sinh hoạt khác) với các loại CTR có khả năng tái sử dụng và chất thải thực phẩm. CTNH sẽ được đựng trong bao bì riêng, sau đó được đổ thải, xử lý theo quy định của đơn vị thu gom xử lý CTR sinh hoạt (tổ vệ sinh môi trường của xã).

- Thực tế do nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân chưa cao nên việc phân loại CTNH tại các hộ gia đình hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Bình hầu như chưa được thực hiện, nên biện pháp cần thiết là nâng cao nhận thức và ý thức của người dân bằng cách tuyên truyền các hoạt động phân loại rác tại nguồn tới các hộ dân để nâng cao nhận thức về môi trường của người dân, hướng tới việc xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp hơn.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Quá trình vận hành máy móc, thiết bị của hệ thống XLNT tập trung của dự án

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Trồng cây xanh cách ly với $S = 32,6 \text{ m}^2$ chiếm 11,36 %S xây dựng trạm XLNT, đảm bảo giảm thiểu tác động tiếng ồn đến môi trường và các đối tượng xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

a. Phòng chống sự cố cháy, nổ:

Quá trình thiết kế, thi công xây dựng dự án, chủ dự án đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình (TCVN 2622:1995). Tuân thủ giải pháp PCCC do Phòng cảnh sát PCCC tỉnh Thái Bình quy định.

- Trang bị bình chữa cháy tại các vị trí cần thiết đảm bảo ứng cứu kịp thời các sự cố xảy ra.

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà.

- Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội đô với khoảng cách giữa các trụ khoảng 100-200 m.

- Tiến hành kiểm tra và sửa chữa định kỳ các hệ thống có thể gây cháy nổ.

- Dán niêm yết các nội quy phòng chống cháy nổ tại các khu vực công cộng, đặc biệt treo biển cấm lửa hoặc cấm hút thuốc tại những nơi dễ xảy ra sự cố cháy nổ.

- Phối hợp kịp thời với đội cứu hộ của địa phương để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra.

b. Phòng ngừa sự cố do thiên tai (bão, mưa lớn, lụt...):

- Ngập úng, bão lũ:

+ Tuân thủ các phương án quy hoạch, đảm bảo cao độ cos nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài.

+ Thường xuyên nạo vét hệ thống công rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

+ Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Phòng chống sét:

+ Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét tại các khu vực có khả năng bị sét đánh.

+ Thiết lập mạng tiếp đất an toàn, mạng tiếp đất của hệ thống thu sét gồm các dây chôn chìm trong đất được liên kết hàn với các cọc tiếp đất đóng sâu vào lòng đất, đảm bảo điện trở an toàn theo quy phạm.

c. Phòng chống sự cố sụt lún nhà cửa, tắc cống thoát nước:

** Sự cố sụt lún nhà cửa:*

Sự cố sụt lún nhà cửa có thể xảy ra do nền đất yếu, móng nhà không tốt; để hạn chế tình trạng này ngay từ giai đoạn san gạt mặt bằng Chủ đầu tư đã thi công nền đất rất tốt bằng cách: Đối với đất ruộng có kết cấu kém sẽ được bóc lớp đất hữu cơ; sau đó vận chuyển cát đen để san lấp mặt bằng; toàn bộ diện tích san lấp được san phẳng, đầm nén nhằm đảm bảo kết cấu nền đất. Tránh xảy ra tình trạng sụt lún đất, nền nhà.

Thi công các công trình nhà thô (móng, kết cấu) đảm bảo đúng quy chuẩn, thiết kế kỹ thuật.

** Sự cố tắc cống thoát nước:*

- Đối với cống thoát nước mưa chảy tràn: Cống thoát nước mưa chảy tràn được xây dựng có nắp đậy nhằm hạn chế rác thải, lá cây rơi xuống đồng thời đội vệ sinh KDC thường xuyên quét dọn nạo vét mương thu gom nhằm đảm bảo khả năng tiêu thoát.

- Đối với cống thoát nước thải: Cống được xây dựng có nắp đậy định kỳ được nạo vét nhằm tăng khả năng thu gom nước thải. Tại trạm xử lý bố trí song chắn rác để thu gom rác trước khi vào hệ thống xử lý chung nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

Đồng thời tuyên truyền người dân sinh sống trong dân cư có ý thức thu gom rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi, tạo quanh quan môi trường xanh sạch đẹp.

d. Các biện pháp phòng chống lan truyền mầm bệnh:

- Công nhân thu gom rác thải, vận hành hệ thống XLNT phải được trang bị đầy đủ về bảo hộ lao động.

- Rác thải được thu gom, xử lý hàng ngày; tránh việc tập trung rác thải khối lượng lớn để lâu ngày vì quá trình rác phân hủy sẽ tạo điều kiện cho vi khuẩn có hại, ruồi muỗi phát triển và là nguyên nhân gây ra dịch bệnh. Việc vận chuyển rác đi xử lý tránh vào thời gian cao điểm.

- Ngoài ra, cần phổ biến nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với các hộ gia đình thông qua các buổi họp, lớp tập huấn và tổ chức các buổi tổng vệ sinh toàn khu dân cư.

- Thực hiện giữ gìn vệ sinh chung, có các biện pháp vệ sinh phòng dịch, cách ly khu vực bị nghi ngờ là có dịch để kịp thời phòng ngừa, tránh lây lan cho toàn khu vực.

e. Phòng chống sự cố đối với trạm XLNT:

Trạm XLNT đã được thi công xây dựng theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, chuẩn bị quá trình vận hành thử nghiệm để kiểm tra, giám định hiệu quả xử lý trước khi đưa vào vận hành chính thức. Chủ đầu tư có bố trí dự phòng máy phát điện sử dụng trong trường hợp bị mất điện.

Trong quá trình vận hành tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành và yêu cầu giám sát.

Khi xảy ra sự cố Ban quản lý khu dân cư sẽ tiến hành kiểm tra và khắc phục ngay sự cố tránh ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận nước thải; cụ thể:

- Dừng hoạt động trạm xử lý xác định nguyên nhân, tiến hành đóng cửa xả ra ngoài môi trường, đồng thời kiểm tra nguồn điện vào của hệ thống.

- Kiểm tra nguồn nước đầu vào để xác định thành phần nước thải xem có chứa các thành phần nguy hại nào phát sinh không, như dầu mỡ, hóa chất... gây ảnh hưởng đến hoạt động của vi sinh vật.

- Kiểm tra thiết bị máy sục khí, bùn vi sinh tại bể hiếu khí và các thiết bị máy bơm tại các bể có hoạt động ổn định không, nếu cần thiết có thể thay thế và sửa chữa.

Ngoài ra để hạn chế sự cố, Chủ đầu tư phải thực hiện các biện pháp sau:

- Vận hành trạm XLNT theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế thiết bị.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Các máy bơm, phao van, thiết bị sục khí... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

** Phòng chống sự cố đối với thiết bị xử lý mùi của trạm XLNT:*

Ngoài các biện pháp đã nêu trên để đảm bảo hệ thống XLNT của dự án được vận hành đạt yêu cầu, chủ dự án cam kết sẽ thực hiện bổ sung các biện pháp sau đối với thiết bị xử lý mùi của trạm xử lý:

- Tăng cường công tác kiểm tra các đường ống dẫn khí thải đến thiết bị để đảm bảo các đường ống luôn kín, khít. Do thiết bị xử lý làm bằng kim loại nên có chế độ bảo quản riêng, có sàn đỡ, có nắp đậy, tránh mưa gió, ẩm mốc.

- Định kỳ thay thế lớp than hoạt tính (theo tính toán khoảng 01 lần/năm) tuy nhiên, phụ thuộc vào thực tế vận hành có thể tăng số lần thay thế lớp than để nâng cao hiệu quả xử lý.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Không áp dụng công trình, biện pháp BVMT khác.

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:

Dự án không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi; do nước thải sau xử lý của dự án xả vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

9. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Bảng 3.4. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt ĐTM

TT	Quyết định ĐTM	Thực tế đầu tư xây dựng	Giải trình sự sai khác
I	Công trình, biện pháp xử lý nước thải		
01	Quy mô các hạng mục công trình: Kích thước DxRxC (m): Bể gom nước thải T/01 (2,8x1,8x4,5); bể lắng cát, tách dầu mỡ T/02 (4,2x0,8x2,5); bể điều hòa T/03 (7,2x4,2x4,5); bể thiếu khí T/04 (7,2x3,8x4,5); bể hiếu khí T/05 (7,2x4,6x4,5); bể lắng sinh học T/06 (4x4x4,5); bể khử trùng T/07 (2,9x1,2x4,5); bể chứa bùn T/08 (2,9x2,5x4,5); sân phơi cát T/09 (2,3x1,5x1,0); tháp khử mùi D1,5m; H3m.	Quy mô các hạng mục công trình: Kích thước DxRxC (m): Bể gom nước thải T/01 (2,8x1,8x4,5); bể lắng cát, tách dầu mỡ T/02 (4,16x0,8x4,5); bể điều hòa T/03 (6,2x4,16x4,5); bể thiếu khí T/04 (7,2x3,8x4,5); bể hiếu khí T/05 (7,2x4,52x4,5); bể lắng sinh học T/06 (3,96x3,96x4,5); bể khử trùng T/07 (2,98x1,2x4,5); bể chứa bùn T/08 (2,54x2,98x4,5); sân phơi cát T/09 (2,3x1,5x1,0); tháp khử mùi D1,5m; H3m.	Thiết kế cơ sở của trạm XLNT công suất 250 m ³ /ngày đêm của dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định đủ điều kiện để phê duyệt tại Thông báo số 458/TB-SXD ngày 24/12/2020. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình của trạm xử lý đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.
02	Nguồn tiếp nhận nước thải là sông Sa Lung	Thải ra hệ thống thoát nước chung của thành phố	Xả thải theo Giấy phép xả thải số 04/GP-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh Thái Bình.

Chương IV:

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

NTSH của dự án phát sinh từ 222 bể tự hoại của 222 hộ dân trong khu vực.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Có 01 dòng nước thải sinh hoạt được thu gom về trạm xử lý để xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước chung của thành phố tại đường số 5 của dự án.

2.3. Vị trí xả nước thải:

Vị trí xả thải có tọa độ: X (m) = 2266085; Y (m) = 589741 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép đối với dòng thải là: 250 m³/ngày đêm (khoảng 10,42 m³/giờ).

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm; Chu kỳ xả :365 ngày/năm.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{max} (áp dụng với hệ số K = 1,0), cụ thể:

Bảng 4.1: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của Dự án

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	
			C	C _{max} = C × 1
01	pH		5-9	5-9
02	BOD ₅	mg/l	30	30

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

03	TSS	mg/l	50	50
04	TDS	mg/l	500	500
05	S ²⁻	mg/l	1,0	1,0
06	NH ₄ ⁺	mg/l	5	5
07	NO ₃ ⁻	mg/l	30	30
08	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	10
09	Tổng các chất HDBM	mg/l	5	5
10	PO ₄ ³⁻	mg/l	6	6
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	3.000

Ghi chú: Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, quan trắc định kỳ đối với nước thải.

B. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Dự án đề nghị cấp phép đối với 01 nguồn khí thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải của hệ thống XLNT.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Ống thoát khí từ hệ thống XLNT, tọa độ vị trí xả thải: X (m) = ??; Y (m) = ???

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^o30', múi chiều 3^o)

3. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Khí thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải của hệ thống XLNT: lưu lượng 800 m³/h;

4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B giá trị C_{max} với hệ số K_p = 1,0 và K_v = 0,8 và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Cụ thể như sau:

Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
I	Quy chuẩn so sánh (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B giá trị C _{max} với hệ số K _p = 1,0 và K _v = 0,8); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công				

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
nghiệp đối với một số chất hữu cơ					
01	Lưu lượng			Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
02	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5		
03	SO ₂	mg/Nm ³	850		
04	Metyl Mercaptan		15		

5. Phương thức xả thải:

Xả thải liên tục theo các thời điểm vận hành hệ thống XLNT trong ngày.

Chương V:

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình XLNT, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm: Căn cứ Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; chủ đầu tư lựa chọn thời gian vận hành thử nghiệm công trình XLNT và hệ thống xử lý khí thải của hệ thống XLNT của dự án là 03 tháng kể từ khi dự án được cấp Giấy phép môi trường, cụ thể:

Bảng 5.1: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

TT	Công trình vận hành thử nghiệm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống XLNT	03 tháng, sau khi được cấp GPMT và các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, lắp đặt đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm.		20%
2	Hệ thống xử lý khí thải của hệ thống XLNT			

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị XLNT, khí thải:

Căn cứ Khoản 4, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chủ đầu tư dự án dự kiến kế hoạch quan trắc khí thải, nước thải trước và sau xử lý của hệ thống cụ thể như sau:

1.2.1. Kế hoạch quan trắc khí thải của hệ thống xử lý khí thải

- Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến 03 tháng;
- Tần suất quan trắc:

03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình.

- Thông số quan trắc:

Lưu lượng thải, H₂S, SO₂, Metyl Mercaptan.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B giá trị C_{max} với hệ số

$K_p = 1,0$ và $K_v = 0,8$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

1.2.2. Kế hoạch quan trắc nước thải

- Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến 03 tháng;
- Tần suất quan trắc:

03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình.

- Thông số quan trắc:

pH; BOD₅; TSS; TDS; S₂⁻; NH₄⁺; NO₃⁻; dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; PO₄³⁻; Tổng coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{max} với hệ số K = 1.

1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình.

+ Người đại diện: Ông Nguyễn Thành Tâm, Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

+ Điện thoại: 02273.644139 Fax: 02273.644139

Trung tâm đã có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã số VIMCERTS 016 theo quy định của Nghị định số 08/2022-NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017 mã số VILAS 568.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải:

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97, Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

- Quan trắc khí thải:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 98, Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 98, Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Chương VI:

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Công ty CP Bất động sản Mỹ cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các công trình, biện pháp BVMT như đã đề xuất tại chương IV của báo cáo; tuân thủ các quy định chung về BVMT bao gồm:

1/ Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2/ Cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp BVMT trong giai đoạn hoạt động cho đến khi kết thúc dự án.

3/ Cam kết vận hành thường xuyên, liên tục và bảo dưỡng định kỳ các hệ thống XLNT đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT và QCVN 28:2010/BTNMT cột A giá trị C_{max} trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

4/ Cam kết vận hành thường xuyên, liên tục và bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống XLNT đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B giá trị C_{max}), QCVN 20:2009/BTNMT.

5/ Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

6/ Cam kết công khai giấy phép môi trường, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7/ Cam kết cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về BVMT trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

8/ Cam kết thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

9/ Cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường như đã đề xuất trong báo cáo.

PHỤ LỤC

Phu lục I:

Phu lục II:

PHỤ LỤC I

PHỤ LỤC II